ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-UBND **(Dự thảo)**	*Hải Phòng, ngày tháng năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng kính trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, trong đó có Luật số 77/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025;

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

- Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

- Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh;

- Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái.

2. Cơ sở thực tiễn

Thành phố Hải Phòng là một trong những trung tâm công nghiệp, kinh tế biển và logistics lớn của cả nước, với hệ thống các khu công nghiệp, khu kinh tế phát triển nhanh và giữ vai trò động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế thành phố. Trong giai đoạn tới, công nghiệp - xây dựng tiếp tục được xác định là lĩnh vực trụ cột, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GRDP và thu hút đầu tư.

Tuy nhiên, mô hình phát triển khu công nghiệp trong thời gian qua chủ yếu theo chiều rộng, dựa nhiều vào tiêu thụ năng lượng, tài nguyên và phát sinh lượng lớn chất thải, phát thải khí nhà kính. Một số khu công nghiệp hiện hữu được đầu tư từ giai đoạn trước còn hạn chế về hạ tầng môi trường, hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng chưa cao, mức độ liên kết và cộng sinh giữa các doanh nghiệp còn thấp. Điều này đặt ra thách thức lớn đối với mục tiêu phát triển bền vững của thành phố trong giai đoạn 2026 - 2030.

Giai đoạn 2026 - 2030 là giai đoạn quan trọng trong lộ trình thực hiện chuyển đổi xanh và tăng trưởng bền vững của thành phố Hải Phòng. Các yêu cầu ngày càng cao về bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính, cùng với việc áp dụng các tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị, cơ chế điều chỉnh biên giới carbon và xu hướng xanh hóa chuỗi cung ứng toàn cầu đang tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất công nghiệp và thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp.

Trong bối cảnh đó, khu công nghiệp sinh thái được xác định là mô hình phù hợp để thúc đẩy chuyển đổi mô hình phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, thông qua việc tối ưu hóa sử dụng tài nguyên - năng lượng, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải, hình thành các mối liên kết cộng sinh công nghiệp và giảm phát thải ra môi trường. Thực tiễn tại Hải Phòng cho thấy một số khu công nghiệp đã bước đầu triển khai các yếu tố của mô hình khu công nghiệp sinh thái và mang lại

hiệu quả tích cực. Tuy nhiên, các kết quả này mới mang tính thí điểm, chưa được nhân rộng do thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ cụ thể, đồng bộ ở cấp thành phố.

Đến tháng 10 năm 2026, trên địa bàn thành phố Hải Phòng có 50 khu công nghiệp được thành lập, với tổng diện tích khoảng 13.856,32 ha, trong đó có 25 khu công nghiệp đang hoạt động. Các khu công nghiệp đang hoạt động đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, với tổng công suất thiết kế khoảng 165.000 m^3/ngày đêm, lưu lượng xả thải thực tế khoảng 78.000 m^3/ngày đêm. Tuy nhiên, tỷ lệ tái sử dụng nước thải sau xử lý còn thấp, dưới 3,5%; hoạt động trao đổi, tái sử dụng phụ phẩm, chất thải và hình thành liên kết cộng sinh công nghiệp giữa các doanh nghiệp chưa được triển khai đồng bộ.

Thành phố hiện có 02 khu công nghiệp đang triển khai thí điểm chuyển đổi theo mô hình khu công nghiệp sinh thái, gồm KCN Nam Cầu Kiền và KCN Đình Vũ (DEEP C1). Các khu công nghiệp này đã bước đầu thực hiện các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn và cộng sinh công nghiệp, tạo cơ sở thực tiễn để tiếp tục hoàn thiện tiêu chí và nhân rộng mô hình. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi vẫn còn những khó khăn về hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thu thập và chia sẻ dữ liệu, nguồn lực đầu tư và năng lực tổ chức thực hiện. Đây là những vấn đề cần được xem xét trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ của thành phố.

Pháp luật hiện hành đã quy định về chính sách hỗ trợ, hợp tác phát triển và tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP. Để tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện của thành phố Hải Phòng, cần cụ thể hóa nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng, điều kiện, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí trong phạm vi thẩm quyền của địa phương; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình triển khai.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng là cần thiết nhằm hỗ trợ chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu, phát triển khu công nghiệp mới theo mô hình sinh thái; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

Thiết lập cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp với thẩm quyền và điều kiện thực tiễn của thành phố nhằm thúc đẩy chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu và phát triển các khu công nghiệp mới theo mô hình sinh thái; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng, giảm ô nhiễm môi trường và phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển đổi xanh, tăng trưởng bền vững của thành phố Hải Phòng.

Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; tăng cường hỗ trợ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng và chia sẻ dữ liệu dùng chung; thúc đẩy hợp tác, liên kết cộng sinh

công nghiệp và huy động các nguồn lực hợp pháp phục vụ chuyển đổi, xây dựng khu công nghiệp sinh thái.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tiễn của thành phố Hải Phòng;

- Quy định chính sách đúng thẩm quyền; xác định rõ đối tượng, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ và trách nhiệm tổ chức thực hiện; cơ chế thử nghiệm có kiểm soát thực hiện đúng phân quyền tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15;

- Bảo đảm khả năng cân đối ngân sách; công khai, minh bạch, không hỗ trợ trùng lặp cho cùng một nội dung chi phí;

- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với mức độ sẵn sàng chuyển đổi của từng khu công nghiệp; ưu tiên các hoạt động hỗ trợ có tính lan tỏa, thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, phát triển cộng sinh công nghiệp và nâng cao năng lực quản lý, vận hành khu công nghiệp sinh thái; phát huy vai trò chủ động, nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác;

- Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm sự thống nhất giữa dự thảo Nghị quyết và các tài liệu trong hồ sơ.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Ngày 19/10/2026, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Văn bản số 2482/UBND -TH gửi Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc đề xuất các nội dung trình tại kỳ họp chuyên đề (tháng 10/2026) và kỳ họp thường lệ cuối năm 2026 Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031;

- Ngày 23/10/2026, Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch số 21/KH-HĐND về việc Chuẩn bị kỳ họp thường lệ cuối năm 2026 Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031;

- Ngày 26/10/2026, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Văn bản số 2566/UBND -TH về việc Chuẩn bị tài liệu phục vụ kỳ họp kỳ họp thường lệ cuối năm 2026 Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031;

- Ngày …/…/2026, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng có Công văn số …./BQL về việc đề nghị tham gia, góp ý hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Ngày …/…/2026, dự thảo Nghị quyết được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử thành phố để lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách theo quy định.

- Trên cơ sở ý kiến tham gia các sở, ngành, địa phương; các tổ chức, cá nhân liên quan, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định.

- Ngày …/10/2026, Sở Tư pháp có Báo cáo số …../BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Ngày …/…/2026, Ban Pháp chế có Báo cáo số …./BC-BPC thẩm tra Dự thảo Nghị quyết ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Trên cơ sở kết luận thẩm định, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố, dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Dự thảo Nghị quyết quy định đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách thành phố và việc áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát nhằm thúc đẩy chuyển đổi, xây dựng khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng; thời gian áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

1.2. Đối tượng áp dụng

Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; doanh nghiệp thứ cấp thuê lại đất, thuê nhà xưởng đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hải Phòng, tổ chức tín dụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách.

2. Bố cục và nội dung cơ bản:

2.1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết quy định đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách thành phố và việc áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát nhằm thúc đẩy chuyển đổi, xây dựng khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng, gồm 6 điều cụ thể như sau:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh;

- Điều 2: Đối tượng áp dụng;

- Điều 3: Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ;

- Điều 4: Nội dung và mức hỗ trợ;

- Điều 5: Nguồn kinh phí;

- Điều 6: Tổ chức thực hiện.

2.2. Nội dung cơ bản các mức hỗ trợ đề xuất tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết

a) Hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá và lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái

- Hỗ trợ kinh phí cho chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp thực hiện đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi khu công nghiệp sinh thái; xác định mức độ đáp ứng các tiêu chí khu công nghiệp sinh thái; xây dựng đường cơ sở, kế hoạch hành động chuyển đổi; kiểm toán năng lượng, kiểm toán nước; đánh giá hiệu quả sử dụng tài nguyên và áp dụng sản xuất sạch hơn; kiểm kê khí nhà kính và lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái theo quy định, trừ các nội dung thuộc nghĩa vụ bắt buộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này. Tỷ lệ, mức hỗ trợ tối đa và số lần hỗ trợ thực hiện theo phương án kinh phí được cấp có thẩm quyền quyết định.;

- Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thứ cấp thực hiện các hoạt động đánh giá hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng, nước; áp dụng sản xuất sạch hơn; kiểm kê khí nhà kính và chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái theo quy định, trừ các nội dung thuộc nghĩa vụ bắt buộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này. Tỷ lệ, mức hỗ trợ tối đa và số lần hỗ trợ thực hiện theo phương án kinh phí được cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật dùng chung phục vụ cộng sinh công nghiệp và kinh tế tuần hoàn trong KCN:

- Hỗ trợ lãi suất 2,0%/năm tính trên dư nợ vay thực tế đối với các khoản vay trung và dài hạn bằng đồng Việt Nam tại Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hải Phòng để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ cộng sinh công nghiệp và kinh tế tuần hoàn trong khu công nghiệp, bao gồm: công trình xử lý, tái sử dụng nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu chất lượng theo mục đích sử dụng; hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS); hệ thống đường ống kỹ thuật dùng chung và trạm trung chuyển phụ phẩm công nghiệp phục vụ tái sử dụng, tái chế;

- Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 03 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng tín dụng; tổng mức hỗ trợ đối với mỗi dự án không vượt quá 1,0 tỷ đồng; không hỗ trợ lãi suất đối với khoản nợ quá hạn, khoản nợ được gia hạn hoặc cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

c) Hỗ trợ thúc đẩy kết nối, hợp tác và cộng sinh công nghiệp

- Hỗ trợ kỹ thuật trong việc khảo sát, đánh giá, nhận diện và sàng lọc các cơ hội cộng sinh công nghiệp; tư vấn giải pháp kỹ thuật, hướng dẫn pháp lý; hỗ trợ xây dựng phương án hợp tác, thỏa thuận nguyên tắc, hợp đồng mua bán, phân phối và phương án dự phòng nhằm thúc đẩy hình thành, triển khai các liên kết cộng sinh công nghiệp giữa các doanh nghiệp trong khu công nghiệp và giữa các khu công nghiệp.

- Hỗ trợ kết nối cung - cầu về nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hạ tầng, vận tải và dịch vụ thông qua các hoạt động kết nối doanh nghiệp, diễn đàn trao đổi theo ngành và nền tảng thông tin kết nối cộng sinh công nghiệp. Việc trao đổi, chuyển giao và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

d) Áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15

- Nghiên cứu, xây dựng phương án đề xuất áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới trong khu công nghiệp thuộc phạm vi quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15, bao gồm các mô hình trao đổi, cung cấp nước công nghiệp sau xử lý để tái sử dụng; chia sẻ, giao dịch năng lượng từ nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ trong nội bộ khu công nghiệp và các mô hình trao đổi, tái sử dụng phụ phẩm công nghiệp. Việc xem xét, triển khai thử nghiệm phải đáp ứng các điều kiện về pháp lý, kỹ thuật, an toàn, bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định.

- Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc thử nghiệm có kiểm soát; quy định tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thực hiện thử nghiệm. Thời hạn thử nghiệm thực hiện theo điểm b khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15 và không vượt quá thời gian thực hiện thí điểm theo Nghị quyết số 226/2025/QH15.

- Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với từng dự án thử nghiệm cụ thể theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro và khả năng kiểm soát.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

Tổng kinh phí dự kiến giai đoạn 2026-2030 là **127,55 tỷ đồng** (Một trăm hai mươi bảy tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: **103,60 tỷ đồng**;

- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác: **23,95 tỷ đồng**.

Kinh phí dự kiến từ ngân sách nhà nước được phân bổ theo các nhóm nhiệm vụ chủ yếu như sau:

a) Hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá và công nghệ phục vụ chuyển đổi, xây dựng khu công nghiệp sinh thái: **80,0 tỷ đồng**;

b) Hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ cộng sinh công nghiệp và kinh tế tuần hoàn: **4,0 tỷ đồng**;

c) Hỗ trợ thúc đẩy kết nối, hợp tác và cộng sinh công nghiệp: **2,0 tỷ đồng**;

d) Kinh phí triển khai các nhiệm vụ còn lại, bao gồm cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư, hành chính và hải quan; xây dựng hạ tầng và dữ liệu dùng chung; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; đào tạo và nâng cao năng lực quản lý, vận hành khu công nghiệp sinh thái: **17,6 tỷ đồng**.

Kinh phí dự kiến được phân kỳ thực hiện từ năm 2027 đến năm 2030, cụ thể:

- Năm 2027: 34,90 tỷ đồng, gồm 28,40 tỷ đồng ngân sách nhà nước và 6,50 tỷ đồng từ các nguồn khác;

- Năm 2028: 51,15 tỷ đồng, gồm 41,20 tỷ đồng ngân sách nhà nước và 9,95 tỷ đồng từ các nguồn khác;

- Năm 2029: 17,00 tỷ đồng, gồm 14,00 tỷ đồng ngân sách nhà nước và 3,00 tỷ đồng từ các nguồn khác;

- Năm 2030: 24,50 tỷ đồng, gồm 20,00 tỷ đồng ngân sách nhà nước và 4,50 tỷ đồng từ các nguồn khác.

2. Điều kiện đảm bảo việc thi hành Nghị quyết

Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố ban hành, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện triển khai Nghị quyết, đảm bảo việc tổ chức triển khai Nghị quyết được hiệu quả và thống nhất trên địa bản thành phố.

3. Thời gian trình thông qua

Thời gian trình thông qua Nghị quyết: Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định./.

* Hồ sơ gửi kèm Tờ trình:

(1) Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

(2) Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự thảo Nghị quyết;

(3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

(4) Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp;

(5) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

(6) Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đỗ Thành Chung

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch UBND thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Văn phòng ĐĐBQH&HĐNDTP;
- Các sở: NN&MT, TP, TC, CT, XD;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;
- CVP, các PCVP UBND thành phố;
- Các phòng: TH, NN&MT;
- Lưu: VT, T.V.Hải.